## XIV. LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

**5. Tên TTHC: Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản. Mã TTHC - 3.000443**

**(1) Trình tự thực hiện:**

Bước 1 nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam có nhu cầu công nhận khu vự biển nộp hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã là tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp các địa phương lựa chọn mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì hồ sơ được nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp.

Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ **trong 01 ngày làm việc** đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3 thẩm định hồ sơ: **Trong thời hạn 10 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính**: Trong thời hạn 03 ngày làm việc**, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao khu vực biển; trường hợp không giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

**(2) Địa điểm thực hiện**

- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến một phần (dichvucong.gov.vn).

**(3) Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.

- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

**(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công nhận khu vực biển (được lập theo Mẫu số 01 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP));

- Bản chính hợp đồng cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP; bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử văn bản có chứng thực cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển;

- Bản đồ khu vực biển theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

**\*** Số lượng hồ sơ:01 bộ.

**(5) Thời hạn giải quyết: không quá 14 ngày làm việc**

Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản;

Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận khu vực biển; trường hợp không công nhận khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

**(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân Việt Nam

**(7) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã có biển quyết định công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản cho Cá nhân Việt Nam theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.

Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan.

Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

**(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định về việc giao khu vực biển theo Mẫu 06 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP; trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**(9) Phí, lệ phí**: Không có quy định.

**(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản - Mẫu số 01

- Bản đồ khu vực biển - Mẫu số 05

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển - Mẫu số 12

**(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Cá nhân Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật trước ngày 15 tháng 7 năm 2014 và đang sử dụng khu vực biển mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển, giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

Hạn mức giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản không quá 05 ha.

**(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:**

- Đơn đề nghị công nhận khu vực biển;

- Bản chính hợp đồng cho thuê đất hoặc Quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển; Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc Bản sao điện tử văn bản có chứng thực cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp;

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển;

- Bản đồ khu vực biển.

**(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:**

**-** Quyết định về việc giao khu vực biển.

|  |  |
| --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | Mẫu số 01 |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN KHU VỰC BIỂN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã ......

Tên cá nhân ………………………………………………………...

Trụ sở/địa chỉ tại: …………………………………………………………..

Điện thoại: ………………………. Fax: …………………………………

Ngày, tháng, năm sinh … số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng … năm … do … cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được giao/công nhận hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh …

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m2), độ sâu sử dụng: ... m, từ … m đến ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ …; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m được thể hiện trên bản đồ/sơ đồ khu vực biển.

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ … (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hằng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển): ……….....................................................................................................................

(Tên cá nhân) … cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày … tháng … năm ……*  **Cá nhân Việt Nam làm đơn** *(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)* |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN**  Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)…. | | | | Mẫu số 05 | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | Điểm | Hệ tọa độ VN-2000  Kinh tuyến trục... múi chiếu... | | | Tọa độ vuông góc | | | X(m) | Y(m) | | 1 |  |  | | 2 |  |  | | … |  |  | | n |  |  | |  |  |  | | Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m2) | | | |  | | Độ sâu khu vực biển sử dụng (m) | | | |  | | Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có) | | | |  |   ***Ghi chú:*** Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:  - Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.  - Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).  - Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)…. km.  - Tại khu vực biển ….., cấp xã ..…, cấp tỉnh …  - Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số. | | Description: Untitled-1  - Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trục... múi chiếu... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệ ....tại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm... )  - Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...  **Chú giải:** Khu vực biển sử dụng  Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm  Đường 3 hải lý (nếu có) Đường 6 hải lý (nếu có) | | |
| **ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (*nếu có*)** *(Ký tên, đóng dấu)* | | **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** *(Ký tên, đóng dấu)* | | |

**Mẫu số 12**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CÁ NHÂN**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  *…, ngày….. tháng…. năm……* |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã ...…

**I. Phần chung**

1. Tên cá nhân sử dụng khu vực biển: ………………………….….

*Ngày, tháng, năm sinh… số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân … cấp ngày… tháng… năm … do… cấp (nếu là cá nhân)*

2. Địa chỉ: ……………… Điện thoại: ……………… Fax: ………………

**II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm … đến ngày… tháng ... năm ...**

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển………………………………………………

- Mục đích sử dụng………………………………………………….....…

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:…(ha/m2); độ cao sử dụng…; độ sâu sử dụng….

- Thời hạn được giao khu vực biển: .... (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển … (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp…. Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động: …………………….……………………………….……

- Mục đích hoạt động:………………………………. …………………….

- Quy mô hoạt động: ……………………………………………………….

- Tổng vốn đầu tư: …………………………………………………………

- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo: ……………..…

- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).

- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).

- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế ……., trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp… Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ… (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.

- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

**III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC:**

1. Thời gian thực hiện: Không quá 112 giờ.

2. Trình tự thực hiện:

a) Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ;

b) Quy trình nội bộ và điện tử: 112 giờ.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Nội dung công việc | Đơn vị thực hiện | Thời gian giải quyết |
| 1 | Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua Bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến và qua fax, email); scan hồ sơ; vào sổ nhận hồ sơ | Công chức TTPVHCC | 04 giờ |
| 2 | Giải quyết hồ sơ  *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)* | Công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ | 88 giờ |
| 3 | Ký tắt hồ sơ | Lãnh đạo Phòng chuyên môn nghiệp vụ | 08 giờ |
| 4 | Ký duyệt hồ sơ | Lãnh đạo UBND xã | 08 giờ |
| 5 | Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức TTPVHCC | Công chức nghiệp vụ văn thư | 04 giờ |
| 6 | Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức | Công chức TTPVHCC | Giờ hành chính |